TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2, tòa nhà SailingTower-111 Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật ông Hàn Ngọc Vũ, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang D (văn bản ủy quyền ngày 13/5/2022), địa chỉ nơi làm việc: Tầng 6, tòa nhà PaxSky – 26 Ung văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Vĩnh L, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: 38/10, khu phố Đ, phường V, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/5/2019, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q ký hợp đồng tín dụng dưới hình thức Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/5/2019 với ông Trương Vĩnh L. Theo hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q

cho ông Trương Vĩnh L vay số tiền 150.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành thẻ tín dụng quốc tế VIB Cash Back số thẻ C000000000208659 với lãi suất 2,83%/tháng cho 03 kỳ sao kê đầu tiên từ ngày phát hành thẻ lần đầu và 2,67% - 3,17%/tháng cho các tháng tiếp theo áp dụng cho các giao dịch mua sắm và rút tiền, nếu thanh toán trong thời gian 25 ngày sau khi lập bảng không tính lãi thì được miễn lãi.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q phát hành thẻ tín dụng quốc tế VIB Cash Back số thẻ C000000000208659 với hạn mức 150.000.000 đồng cho ông Trương Vĩnh L, quá trình sử dụng thẻ ông L đã rút tổng số tiền 122.995.386 đồng nhưng Trương Vĩnh L đã không thanh toán tiền gốc, tiền lãicho Ngân hàng. Kể từ ngày 06/7/2020 Ngân hàng TMCP Q đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP Q đã thông báo cho ông Trương Vĩnh L nhiều lần nhưng ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, tính đến kỳ tháng 6/2021 ông Trương Vĩnh L còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 224.689.353 đồng, trong đó tiền nợ gốc 122.995.386 đồng, tiền lãi 47.729.828 đồng, tiền phí thẻ là 53.968.139 đồng. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bị đơn ông Trương Vĩnh L phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 224.689.353 đồng, trong đó tiền nợ gốc 122.995.386 đồng, tiền lãi 47.729.828 đồng, tiền phí thẻ là 53.968.139 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 07/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn.

Bị đơn – ông Trương Vĩnh Lvắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án;

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông

Trương Vĩnh L vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/5/2019 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trương Vĩnh L thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP Q có cho ông Trương Vĩnh L vay số tiền 150.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành thẻ tín dụng có hạn mức để tiêu dùng cá nhân nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trương Vĩnh L có hộ khẩu thường trú tại số nhà 38/10, khu phố Đ, phường V, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Xét Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/5/2019 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trương Vĩnh Luân thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Vĩnh L đã thực hiện việc rút tiền mặt nhưng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi, phí thẻ theo chu kỳ cho Ngân hàng TMCP Q từ ngày 06/7/2020, như vậy ông Trương Vĩnh L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP Q. Từ những phân tích trên, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Vĩnh L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền còn nợ tính đến kỳ tháng 6/2021 là số tiền 224.689.353 đồng, trong đó tiền nợ gốc 122.995.386 đồng, tiền lãi 47.729.828 đồng, tiền phí thẻ là 53.968.139 đồng đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 11/06/2022 cho đến khi ông Trương Vĩnh L trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/5/2019.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trương Vĩnh L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn ông Trương Vĩnh L.

Buộc ông Trương Vĩnh L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 224.689.353 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn ba trăm năm mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc 122.995.386 đồng, tiền lãi 47.729.828 đồng, tiền phí thẻ là 53.968.139 đồng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/5/2019.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 11/6/2022 cho đến khi ông Trương Vĩnh L trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/5/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Vĩnh L phải chịu 11.234.468 đồng (mười một triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 5.163.600 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001840 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hiệp

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.